TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Tạ Văn V, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2022, các bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị Phạm Thị N và anh Tạ Văn V chung sống với nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 01 năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng sống với nhau nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau, tháng 8 năm 2020 chị N có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện An Lão, sau đó chị N rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị N xin ly hôn anh V. Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung là Tạ Thị Huyền N, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2005 và Tạ Bảo K, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2013. Chị N đề nghị được nuôi con Tạ Thị Huyền N và anh V nuôi con Tạ Bảo K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần đến tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh V.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn anh V không đến tham gia phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị N và anh V được ly hôn; về con chung: Giao con Tạ Thị Huyền N, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2005 cho chị N nuôi dưỡng, giao con Tạ Bảo K, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2013 cho anh V nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N trình bày không đề nghị Tòa án xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Tạ Văn V nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Tạ Văn V có nơi cư trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị N và bị đơn là anh V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 17 tháng 01 năm 2004, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau nên chị N đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh V. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung là Tạ Thị Huyền N, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2005 và Tạ Bảo K, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2013. Chị N đề nghị được nuôi con Tạ Thị Huyền N, anh V nuôi con Tạ Bảo K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét chị N và anh V đều có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Cháu Tạ Thị Huyền N có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Tạ Bảo K có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy cần giao cho chị N nuôi con Tạ Thị Huyền N, giao cho anh V nuôi con Tạ Bảo K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị N và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Tạ Văn V.

2. Về con chung: Giao con Tạ Thị Huyền N, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2005 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng; giao con Tạ Bảo K, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2013 cho anh Tạ Văn V nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001157 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị N và anh Tạ Văn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải